

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 731/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 08 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần: Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - Kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 1251/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/6/2014 về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung vốn vay Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); số 4853/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/11/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; số 4881/QĐ-BNN-KH ngày 10/11/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung; số 1860/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/5/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (điều chỉnh) và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn 1) của dự án thành phần Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - Kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam, thuộc dự án: Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung; số 1446/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán

xây dựng công trình; số 2373/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án thành phần; số 2140/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án thành phần (lần 2);

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh: Số 132/UBND-ĐTĐ ngày 08/01/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - Kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam; số 2360/UBND-ĐTĐ ngày 08/5/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung dự án thành phần;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 98/TTr-SNN ngày 08/4/2020), kèm theo hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần do Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế D-R-B và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 70 lập, được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định (tại Văn bản số 559/SNN-CCTL ngày 08/4/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - Kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam thuộc dự án: Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án thành phần: Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - Kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT (đại diện Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Phú Yên).

3. Địa điểm xây dựng: Các xã: Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa Định Đông và Hòa Quang Nam, thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa; các xã: Hòa Tân Tây, Hòa Phong, Hòa Phú, huyện Tây Hòa; các xã: Hòa Kiến, Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án (điều chỉnh, bổ sung): Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế D-R-B và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 70.

5. Tổ chức tư vấn thẩm tra dự án (điều chỉnh, bổ sung): Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 86.

6. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT.
- Cấp công trình: Cấp IV.

7. Nội dung điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi:

- a) Điều chỉnh, bổ sung nội dung và quy mô đầu tư:
 - Quy mô đầu tư điều chỉnh:

Hạng mục	Theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), Giảm (-)
Nâng cấp kênh nhánh trên kênh Bắc và kênh Nam thuộc hệ thống thủy nông Đồng Cam từ kênh đất sang kênh bê tông xi măng và bê tông cốt thép, tiết diện hình chữ nhật và hình thang và các công trình trên kênh	L = 19.407m	L = 20.299,98m	+892,98m
Nâng cấp đường bờ kênh, đường quản lý vận hành từ đường đất sang đường bê tông xi măng và các công trình trên đường	L = 23.292m	L = 25.338,38m	+2.046,38m

- Thông số kỹ thuật các hạng mục điều chỉnh, bổ sung:

+ Kênh và đường trên kênh Bắc:

++ Bổ sung nâng cấp kênh trạm bơm Sơn Thọ từ K0+0,00 - K0+516, chiều dài L = 516m, điểm đầu K0 tại K18+450,00 trên tuyến kênh N1, bề rộng đáy kênh b = 1,3m; chiều cao kênh h = 1,4m, mặt cắt kênh hình chữ nhật.

++ Bổ sung nâng cấp kênh nhánh Xuân Hòa 2 (Lù 2) tại điểm cuối kênh nhánh Xuân Hòa 2 (Lù 2) kéo dài L = 376,98m, bề rộng đáy kênh b = 1,0m, chiều cao kênh h = 0,8m, mặt cắt kênh hình chữ nhật.

++ Bổ sung nâng cấp kênh Cây Ôi phía bờ tả kênh N3 từ K12+948,63 - K13+178,91, L = 230,28m, bề rộng đáy kênh b = 0,6m, chiều cao kênh h = 0,6m, mặt cắt kênh hình chữ nhật.

++ Điều chỉnh kết cấu gia cố bờ kênh N3 đoạn từ K14+250 - K14+369, chiều dài L = 119m, từ mái kênh tấm lát bê tông xi măng sang mái kênh bằng rọ đá phía bờ tả và bằng bê tông đổ tại chỗ phía bờ hữu.

++ Bổ sung nâng cấp đường giao thông và quản lý phía bờ tả kênh Xuân Hòa 2 (Lù 2) từ K0+262 - K0+528,4, chiều dài L = 266,4m. Bề rộng nền $b_{\text{nền}} = 4\text{m}$, bề rộng mặt đường $b_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$, lề đường phía tả rộng $b_{\text{lề}} = 0,5\text{m}$.

++ Bổ sung nâng cấp đường giao thông từ bờ hữu kênh N3 đến thôn Ngọc Phong xã Hòa Kiến tại vị trí K11+725,6, chiều dài L = 716m. Bề rộng nền đường $b_{\text{nền}} = 4,5\text{m}$, bề rộng mặt đường $b_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$, lề đường rộng $b_{\text{lề}} = 0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m}$.

++ Bổ sung nâng cấp đường giao thông từ bờ tả kênh N3 đến thôn Xuân Hòa xã Hòa Kiến tại vị trí K9+652,99, chiều dài L = 275,78m, bề rộng nền đường $b_{\text{nền}} = 4,0\text{m}$, bề rộng mặt đường $b_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$, lề đường rộng $b_{\text{lề}} = 0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m}$.

+ Kênh và đường trên kênh Nam: Bổ sung Nâng cấp đường giao thông bờ tả kênh N8-2 điểm đầu tại vị trí cổng văn hóa thôn Phú Khánh, điểm cuối tại K0+788,2 giao với đường Hội Cư - Sân Kho Đồng Chợ - Phú Khánh, chiều dài

L = 788,2m, bề rộng nền đường $b_{nền} = 4,5m$, bề rộng mặt đường $b_{mặt} = 3,5m$, lề đường rộng $b_{lề} = 0,5m \times 2 = 1,0m$.

b) Điều chỉnh phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Điều chỉnh diện tích các loại đất thu hồi trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được UBND các huyện Phú Hòa, Tây Hòa và thành phố Tuy Hòa phê duyệt với tổng diện tích các loại đất thu hồi là 16,678 ha. Cụ thể:

TT	Nội dung	Theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015	Phương án điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
I	Diện tích bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (ha)	5,71	16,675	10,9635
1	Đất trồng lúa nước	3,238	2,849	-0,389
2	Đất thổ cư và đất vườn	2,292		-2,292
3	Đất trồng cây hàng năm	0,0883		-0,088
4	Diện tích sân vườn	0,0932		-0,093
5	Đất phi nông nghiệp		0,020	0,020
6	Đất sản xuất nông nghiệp khác		0,573	0,573
7	Đất công trình		12,853	12,853
8	Đất bằng chưa sử dụng		0,380	0,380
II	Đối tượng bị ảnh hưởng (hộ)	800	694	-106
III	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (triệu đồng)	7.956	8.632	676

c) Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung chi phí	Theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tăng (+), Giảm (-)
Chi phí xây dựng	94.080	102.280	+ 8.200
Chi phí BT, HT và TĐC	7.956	8.632	+ 676
Chi phí quản lý dự án	1.332	1.449	+ 117
Chi phí tư vấn ĐTXD	5.122	5.329	+ 207
Chi phí khác	6.541	7.724	+ 1.183
Dự phòng chi	15.180	4.797	-10.383
Tổng cộng	130.211	130.211	0

d) Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày	Cơ cấu nguồn vốn điều chỉnh	Tăng (+), Giảm (-)
----	----------	--------------------------------------	-----------------------------	--------------------

		24/6/2015		
1	Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	115.000	112.867	-2.133
2	Nguồn vốn đối ứng	15.211	17.344	2.133
a)	Vốn đối ứng ngân sách Trung ương hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA	10.648	2.700	-7.948
b)	Vốn đối ứng Ngân sách Tỉnh	4.563	12.054	7.491
c)	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện		2.590	2.590
	Tổng cộng	130.211	130.211	0

e) Các nội dung khác: Chi tiết theo hồ sơ dự án điều chỉnh, bổ sung đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định (tại Văn bản số 559/SNN-CCTL ngày 08/4/2020).

8. Nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung và quy mô đầu tư nhằm đảm bảo nhu cầu thực tế tưới tiêu, tăng khả năng ổn định, bền vững công trình trong mùa mưa lũ và trong quá trình khai thác sử dụng đã được UBND tỉnh thống nhất về mặt chủ trương (tại các Văn bản: Số 132/UBND-ĐTĐD ngày 08/01/2018; số 2360/UBND-ĐTĐD ngày 08/5/2018).

- Điều chỉnh phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Điều chỉnh diện tích các loại đất thu hồi trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt tại các Quyết định: Số 3366/QĐ-UBND ngày 31/8/2016; số 6169/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Tây Hòa; số 4235/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND thành phố Tuy Hòa; số 5176/QĐ-UBND ngày 16/12/2015, 2727/QĐ-UBND ngày 25/8/2016, số 4815/QĐ-UBND ngày 05/9/2018, số 4817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018, số 2062/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND huyện Phú Hòa.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đối ứng theo kế hoạch cấp vốn hàng năm: (i) Nguồn vốn ngân sách Trung ương tại Thông báo số 85/TB-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh; (ii) Nguồn vốn ngân sách tỉnh tại Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh; (iii) bổ sung nguồn vốn ngân sách các huyện: Tây Hòa, Phú Hòa và Thành phố Tuy Hòa theo khoản 3, mục IV, Nghị quyết số 160/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung nêu trên không vượt tổng mức đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015.

9. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1100/QĐ-UBND ngày 24/6/2015; số 2140/QĐ-UBND ngày 26/12/2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả thẩm định và nội dung kiến nghị; đảm bảo hoàn

thành dự án đúng tiến độ được duyệt; tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa; Chủ tịch UBND các huyện: Phú Hòa, Tây Hòa; Giám đốc Ban QLDA IRD tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế